

Số: /KH-UBND

Tân Yên, ngày tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm khoảng 25% GRDP huyện.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng trên 12,5%.
- Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

b) Về phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Về phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP huyện.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng trên 13,5%.

- Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

- Phấn đấu có trên 50 doanh nghiệp số.

b) Về phát triển Xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 95%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền móng cho kinh tế số và xã hội số

a) Hoàn thiện hệ thống văn bản về phát triển kinh tế số, xã hội số

- Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số do tỉnh ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện; cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực quản lý.

- Hướng dẫn, triển khai hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

b) Phát triển hạ tầng số

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện phát triển mạng di động 5G, thực hiện phủ cáp điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng tới hộ gia đình trên địa bàn huyện; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng.

- Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Phát triển dữ liệu số và nền tảng số

- Nghiên cứu, đề xuất các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu của ngành, lĩnh vực để lựa chọn, công bố, đưa các nền số quốc gia vào sử dụng trên địa bàn huyện..

- Cung cấp, cập nhật dữ liệu của các cơ quan, đơn vị huyện lên Kho dữ liệu số dùng chung, Công dữ liệu mở và Nền tảng phân tích dữ liệu tỉnh Bắc Giang; kết nối liên thông với Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia.

- Thu thập, cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Tân Yên cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân khai thác, sử dụng.

d) Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng

- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

đ) Phát triển nhân lực số

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp.

- Triển khai ứng dụng các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

- Triển khai hiệu quả Hệ thống quản lý thông tin thị trường lao động; xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại địa bàn để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

e) Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hoá số

- Triển khai ứng dụng Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCs) trên địa bàn huyện Tân Yên.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân.

- Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

g) Phát triển doanh nghiệp số

- Khuyến khích, hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, sử dụng, trải nghiệm các nền tảng số (tại địa chỉ <https://smedx.vn>).

- Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia.

- Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ

chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số.

- Triển khai Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

h) Phát triển thanh toán số

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

- Triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại tất cả các chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn huyện.

- Thúc đẩy dịch vụ thanh toán Mobile Money, ưu tiên ở các khu vực có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng ở mức thấp.

- Triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia tại huyện Tân Yên; hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử; bảo đảm 70% tổ chức, doanh nghiệp sử dụng trong năm 2022.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tập huấn, phổ cập kỹ năng số cho nông dân; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

- Cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện các nội dung trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện; hỗ trợ đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp truyền thống lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

b) Lĩnh vực y tế

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế trên địa bàn huyện Tân Yên.

- Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực y tế (Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; hồ sơ bệnh án điện tử; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử, nền tảng quản trị y tế thông minh; nền tảng quản lý xét nghiệm; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng giám sát dịch bệnh; nền tảng quản lý trạm y tế xã; nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến; nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế; nền tảng an toàn thực phẩm và nền tảng quản lý môi trường y tế) theo hướng dẫn của Sở Y tế.

c) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Tân Yên.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử.

d) Lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội trên địa bàn huyện Tân Yên; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội; nền tảng hợp đồng lao động điện tử, sổ lao động điện tử theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

đ) Lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng; Kế hoạch phát triển lưới điện thông minh tại trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025. Giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng gian, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là trong các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo hướng đến mô hình nhà máy thông minh, tăng trưởng xanh, bền vững và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Triển khai thí điểm các mô hình chuyên đổi số mẫu trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, qua đó dẫn dắt phong trào chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp sản xuất.

- Kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Áp dụng Bộ chỉ tiêu thống kê và tổ chức khảo sát định kỳ đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp công nghiệp về chuyển đổi sang mô hình nhà máy thông minh.

e) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn huyện Tân Yên.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch; điều tra, đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch trên địa bàn huyện.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến.

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; triển khai nền tảng mô hình hóa đa chiều, ứng dụng công nghệ số để tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

g) Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn huyện Tân Yên.

- Phát triển hạ tầng số; hoàn thiện CSDL và hệ thống thông tin quản lý ngành tài nguyên và môi trường; kết nối với nền tảng dữ liệu số quốc gia ngành tài nguyên và môi trường.

h) Đối với các ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, giao thông vận tải, xây dựng, bất động sản và các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong các ngành, lĩnh vực; chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số; khuyến khích phát triển các nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị

và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành.

- Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Phòng Văn hóa và Thông tin: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số, công nghệ số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình cho toàn thể người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

b) Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: Xây dựng các tin, bài, phóng sự, về kinh tế số, xã hội số; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang,

chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên Cổng thông tin điện tử, Đài Truyền thanh huyện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

a) Là cơ quan thường trực, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo chuyên đổi số huyện.

b) Tham mưu tổ chức các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất Ban Chỉ đạo chuyên đổi số huyện Tân Yên.

c) Phối hợp với Chi cục Thống kê, Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai việc tính giá trị kinh tế số theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Chủ động nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch và phối hợp với các ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo Ban Chỉ đạo chuyên đổi số huyện, Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

a) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, tham mưu UBND huyện về việc cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và vốn đầu tư phát triển hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNTT trên địa bàn huyện Tân Yên.

3. Phòng Tài chính và Kế hoạch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện các dự án phát triển ứng dụng CNTT từ nguồn chi thường xuyên thuộc ngân sách huyện.

b) Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng cùng các cơ quan có liên quan để tham mưu UBND huyện về các cơ chế, chính sách thu hút, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước trên địa bàn huyện.

c) Theo dõi, giám sát, đo lường, đánh giá kết quả triển khai, hiệu quả các dự án đầu tư của các cơ quan, đơn vị.

4. Phòng Nội vụ: Theo dõi, đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng, trách nhiệm người đứng đầu về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Kế hoạch và kết quả triển khai chuyên đổi số thuộc lĩnh vực của ngành, địa phương.

5. Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan của tỉnh, TW trên địa bàn huyện

a) Chủ động, tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Định kỳ hằng năm **(trước ngày 01 tháng 12)** báo cáo Chủ tịch UBND huyện (qua Phòng Văn hóa và Thông tin) về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Trên cơ sở nội dung Kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính và Kế hoạch thẩm định, tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định; đồng thời chủ động huy động các nguồn kinh phí khác để thực hiện nhiệm vụ.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, liên thông.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin tìm phương án giải quyết hoặc báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị TW, tỉnh đóng trên địa bàn;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, VHTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Quốc Hưng

Phụ lục I
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2022 của UBND huyện Tân Yên)

| TT | Chỉ tiêu | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo | Ghi chú |
|----------|---|---|---------|
| I | Mục tiêu đến 2025 | | |
| 1 | Về phát triển kinh tế số | | |
| - | Kinh tế số chiếm khoảng 25% GRDP huyện | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt 15% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50% | Phòng KT&HT | |
| - | Năng suất lao động hằng năm tăng 12,5% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2% | Phòng LĐTB&XH | |
| 2 | Về phát triển xã hội số | | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80% | Ngân hàng nhà nước chi nhánh huyện Tân Yên | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70% | Phòng LĐTB&XH | |
| - | Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30% | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | |
| - | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90% | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | |
| - | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô | Phòng GD&ĐT | |

| | | | |
|-----------|--|--|--|
| | hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70% | | |
| II | Mục tiêu đến năm 2030 | | |
| 1 | Về phát triển kinh tế số | | |
| - | Kinh tế số chiếm khoảng 35% GRDP huyện | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực đạt 20% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70% | Phòng KT&HT | |
| - | Năng suất lao động hằng năm tăng 13% | Phòng KT&HT | |
| - | Tỷ lệ lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3% | Phòng LĐTB&XH | |
| 2 | Về phát triển xã hội số | | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 95% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95% | Ngân hàng nhà nước chi nhánh huyện Tân Yên | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80% | Phòng LĐTB&XH | |
| - | Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70% | Phòng VH&TT | |
| - | Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn khám sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50% | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | |
| - | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95% | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | |
| - | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95% | Phòng GD&ĐT | |

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN YÊN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2022 của UBND huyện Tân Yên)

| STT | Các nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|--|-------------------|---------------------|---------------------|---------|
| I | Phát triển nền móng cho kinh tế số và xã hội số | | | | |
| 1 | Hoàn thiện thể chế | | | | |
| - | Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản phát triển kinh tế số, xã hội số do huyện ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện; cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực quản lý. | Phòng VH&TT | Các cơ quan, đơn vị | 2022-2025 | |
| - | Hướng dẫn, triển khai hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực. | Phòng VH&TT | Các cơ quan, đơn vị | 2022-2025 | |
| 2 | Phát triển hạ tầng số | | | | |
| - | Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện phát triển mạng di động 5G, thực hiện phủ cập điện thoại thông minh và cáp quang băng rộng tới hộ gia đình; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. | Phòng VH&TT | UBND xã, thị trấn | 2022-2025 | |
| - | Triển khai nền tảng bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số. | Phòng TN&MT | Phòng VH&TT | 2023-2025 | |
| - | Triển khai nền tảng địa chỉ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số. | Bưu điện huyện | Phòng VH&TT | 2022-2025 | |
| 3 | Phát triển dữ liệu số và nền tảng số | | | | |
| | Nghiên cứu, đề xuất các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu | Các cơ quan thuộc | Phòng VH&TT | | |

| | | | | | |
|----------|--|---|--|-----------|--|
| - | của ngành, lĩnh vực; tích cực phối hợp phát triển và đưa các nền số quốc gia vào sử dụng trên địa bàn huyện. | UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | | 2022-2030 | |
| - | Cập nhật dữ liệu trên Kho dữ liệu số dùng chung, Cổng dữ liệu mở và Nền tảng phân tích dữ liệu tỉnh Bắc Giang; kết nối liên thông với Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh. | Phòng VH&TT | Các cơ quan thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| - | Thu thập, cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân khai thác, sử dụng. | Phòng VH&TT | Các cơ quan thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| - | Các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn ban hành danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của mình. | Các cơ quan thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | Phòng VH&TT | 2022-2030 | |
| 4 | Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng | | | | |
| - | Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số. | VP HUBND&UBND huyện | Các cơ quan thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| - | Hướng dẫn, tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp. | VP HUBND&UBND huyện | Các cơ quan thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| 5 | Phát triển nhân lực số | | | | |
| - | Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp. | Phòng LĐTB&XH | Các trường cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện | 2022-2030 | |
| - | Triển khai ứng dụng các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động. | Phòng LĐTB&XH | Trung tâm GDNN-GDTX; các doanh nghiệp trên địa bàn huyện | 2022-2030 | |
| | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ | | UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |

| | | | | | |
|----------|---|---------------|--|-----------|--|
| - | năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. | Phòng GD&ĐT | | | |
| - | Triển khai hiệu quả Hệ thống quản lý thông tin thị trường lao động; xây dựng và định kỳ hằng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới. | Phòng LĐTB&XH | UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| 6 | Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hoá số | | | | |
| - | Triển khai ứng dụng Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCs) trên địa bàn huyện Tân Yên. | Phòng VH&TT | UBND các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| - | Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. | Phòng VH&TT | Phòng Nội vụ, Phòng TC-KH, Phòng KT&HT | 2022-2030 | |
| - | Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. | Phòng VH&TT | UBND Các xã, thị trấn | 2022-2030 | |
| - | Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên | Phòng VH&TT | Trung tâm VH-TT&TT huyện; UBND các xã, thị trấn | | |

| | | | | | |
|----------|---|--|---|-----------|--|
| | Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. | | | | |
| 7 | Phát triển doanh nghiệp số | | | | |
| - | Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn. | Phòng KT&HT | Phòng VH&TT, Hội doanh nghiệp huyện | | |
| - | Xây dựng và triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. | Phòng KT&HT | UBND các xã, thị trấn | | |
| 8 | Phát triển thanh toán số | | | | |
| - | Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. | Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện | Các cơ quan thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn | 2022-2025 | |
| - | Thúc đẩy dịch vụ thanh toán Mobile Money, ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng ở mức thấp. | Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện | Phòng VH&TT; UBND các xã, thị trấn | 2022-2025 | |
| - | Triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại tất cả các chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. | Phòng KT&HT | UBND các xã, thị trấn | 2022-2025 | |
| - | Triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | | |
| - | Triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện. | Phòng GD&ĐT | UBND các xã, thị trấn | | |
| - | Triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia tại huyện Tân Yên; hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử; bảo đảm 100% tổ chức, doanh nghiệp sử dụng trong năm 2022. | Chi Cục Thuế khu vực Tân Yên- Yên Thế | Phòng TC-KT; UBND các xã, thị trấn | 2022-2025 | |

| | | | | | |
|-----------|--|----------------------------|--|-------------|--|
| II | Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực | | | | |
| 1 | Lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. | Phòng NN&PTNT | Phòng VH&TT | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản. | Phòng NN&PTNT | Phòng VH&TT | 2022 - 2025 | |
| - | Tập huấn, phổ cập kỹ năng số cho nông dân; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số; Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng. | Phòng NN&PTNT | Phòng VH&TT | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Tổ chức triển khai mô hình làng chuyên đổi số, xã chuyên đổi số. | Phòng NN&PTNT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Hỗ trợ triển khai đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp truyền thống lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn. | Phòng NN&PTNT | Bưu điện huyện, Viettel huyện, UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng cơ sở dữ liệu sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện. | Phòng NN&PTNT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| 2 | Lĩnh vực y tế | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế. | Phòng Y tế | Trung tâm Y tế huyện; UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất | Phòng Y tế, Trung | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |

| | | | | | |
|----------|---|----------------------------|-----------------------|-------------|--|
| | trên toàn quốc. | tâm Y tế | | | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên toàn quốc. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế. | Phòng Y tế, Trung tâm Y tế | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| 3 | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. | Phòng GD&ĐT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử. | Phòng GD&ĐT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| 4 | Lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội. | Phòng LĐTB&XH | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội. Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Xây dựng và tổ chức triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động. | Phòng LĐTB&XH | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |

| | | | | | |
|----------|---|---------------|---|-------------|--|
| 5 | Lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng | | | | |
| - | Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia theo các giai đoạn. | Phòng KT&HT | Hội Doanh nghiệp huyện | 2022 - 2025 | |
| - | Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng gian, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến. | Phòng KT&HT | Đội quản lý thị trường số 6; Công an huyện; Phòng VH&TT | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển dựa trên các nền tảng thương mại số. | Phòng NN&PTNT | Phòng KT&HT; UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2030 | |
| - | Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử. | Phòng NN&PTNT | Phòng KT&HT; UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử. | Phòng KT&HT | Phòng NN&PTNT; UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp | Phòng KT&HT | Phòng VH&TT; Các đơn vị liên quan | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng. | Phòng KT&HT | Điện lực Tân Yên và các cơ quan, đơn vị liên quan | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển lưới điện thông minh. | Phòng KT&HT | Điện lực Tân Yên | 2022 - 2025 | |
| 6 | Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch | | | | |

| | | | | | |
|----------|--|--|-----------------------|-------------|--|
| - | Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn huyện. | Phòng VH&TT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch; điều tra, đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch trên địa bàn huyện. | Phòng VH&TT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến. | Phòng VH&TT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; triển khai nền tảng mô hình hóa đa chiều, ứng dụng công nghệ số để tăng trải nghiệm cho khách du lịch. | Phòng VH&TT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| 7 | Lĩnh vực tài nguyên và môi trường | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. | Phòng TN&MT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, bản đồ số quốc gia. | Phòng TN&MT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035. | Phòng TN&MT | UBND các xã, thị trấn | 2022 - 2025 | |
| 8 | Các ngành, lĩnh vực khác | | | | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương. | Các cơ quan thuộc UBND huyện; các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn | UBND các xã thị trấn | 2022 - 2025 | |

| | | | | | |
|---|--|--|----------------------|-------------|--|
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương. | Các cơ quan thuộc UBND huyện; các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn | UBND các xã thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương. | Các cơ quan thuộc UBND huyện; các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn | UBND các xã thị trấn | 2022 - 2025 | |
| - | Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn. | Các cơ quan thuộc UBND huyện; các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn | UBND các xã thị trấn | 2022 - 2030 | |